

ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CHUỖI RAU AN TOÀN MỘC CHÂU

Lê Đức Công¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu đánh giá tính bền vững chuỗi rau an toàn (RAT) Mộc Châu với thị trường tiêu thụ chính là thành phố Hà Nội. Trong nghiên cứu này sử dụng linh hoạt giữa số liệu thứ cấp và sơ cấp để đưa ra các phân tích nhận định. Với chuỗi rau an toàn Mộc Châu, chủ thể sản xuất có giá trị tăng thêm tương đối cao, giá trị tăng thêm của sản phẩm cải bắp là 82,99% giá trị sản phẩm, với sản phẩm cà chua là 84,06% giá trị sản phẩm. Giá rau xuất bán của người sản xuất trong chuỗi tương đối cao và ổn định, luôn ở mức khoảng 7.000 đồng/kg với cải bắp và khoảng 10.000 đồng/kg với cà chua. Đánh giá chung của những người đã tiêu dùng rau Mộc Châu tương đối tốt. Có đến 72% người tiêu dùng cảm thấy hài lòng với rau Mộc Châu. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững chuỗi rau an toàn Mộc Châu trái vụ bao gồm: (1) Yếu tố bên trong chuỗi rau an toàn Mộc Châu trái vụ - Yếu tố thuộc về sản xuất, cơ sở hạ tầng, ứng dụng khoa học công nghệ, yếu tố thị trường, sự tương tác, liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi; (2) Yếu tố bên ngoài chuỗi rau an toàn Mộc Châu - Yếu tố tự nhiên, chủ trương chính sách của nhà nước.

Từ khóa: Chuỗi giá trị, tính bền vững, rau an toàn

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Mộc Châu - Sơn La với độ cao trung bình trên 1.000 m so với mực nước biển, khí hậu mát mẻ quanh năm, Mộc Châu hiện đang được xem là “Đà Lạt mới nổi” của miền Bắc trong việc khai thác tiềm năng sản xuất rau quả rất đa dạng các loại rau ôn đới như cà chua, cải bắp, su hào, súp lơ, cải mè, rau ăn lá các loại... và là nơi cung ứng một lượng sản phẩm RAT lớn cho thị trường Hà Nội. Tuy nhiên, trên thực tế với điều kiện khí hậu, đất đai, lao động phong phú là một thuận lợi để phát triển ngành sản xuất RAT theo hướng hàng hóa với quy mô lớn. Nhưng việc phát triển sản xuất RAT còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khác như điều kiện thời tiết, đất đai, giống, kỹ thuật chăm sóc, bảo quản, chế biến... Việc sản xuất rau theo hướng an toàn tại Mộc Châu còn gặp nhiều khó khăn như trình độ kỹ thuật của lao động còn thấp, yếu tố đầu vào chưa được chú trọng, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất RAT còn nhiều hạn chế, phụ thuộc nhiều vào thời tiết, ảnh hưởng nhiều tới năng suất của rau... Các vấn đề này gây ảnh hưởng rất lớn cho tiềm năng phát triển cây rau ở Mộc Châu. Cùng với đó, bên cạnh lợi thế sẵn có, hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp tiêu thụ rau Mộc Châu đánh giá, yếu nhất của chuỗi rau Mộc Châu hiện nay đó là tính chuyên nghiệp trong liên kết, nhất là khâu sơ chế và vận chuyển (CASRAD, 2013). Như vậy, chuỗi RAT Mộc Châu dù đang cho những kết quả lạc quan, nhưng ẩn bên trong đó vẫn chứa những rủi ro ảnh hưởng không tốt đến tính bền vững của chuỗi. Với tất cả những nguyên nhân trên, việc nghiên cứu “Đánh giá tính bền vững chuỗi rau an toàn Mộc Châu”, đặc biệt với thị trường tiêu thụ chính là Hà Nội để thấy được hiện trạng và đề xuất các biện pháp nhằm phát triển bền vững chuỗi là thực sự cần thiết.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tính bền vững yếu tố kinh tế, yếu tố xã hội và yếu tố môi trường chuỗi rau an toàn Mộc Châu với thị trường tiêu thụ chính là thành phố Hà Nội, trong đó tập trung nghiên cứu tính bền vững yếu tố kinh tế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập thông tin: Thông tin được thu thập từ các nguồn sơ cấp và thứ cấp. Thông tin sơ cấp: Phương pháp khảo sát thực địa, phương pháp điều tra bằng bộ câu hỏi cấu trúc và bán cấu trúc (bảng câu hỏi, phỏng vấn sâu). Chủ thể sản xuất điều tra là 80 người, chủ thể thu gom là 4 HTX thuộc xã Đông Sang, Mường Sang, Chiềng Hắc và Vân Hồ - tỉnh Sơn La. Chủ thể bán lẻ là các cửa hàng, siêu thị kinh doanh RAT trên địa bàn thành phố Hà Nội (15 cửa hàng, siêu thị). Chủ thể tiêu dùng là 100 người trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thông tin thứ cấp: Thu thập các báo cáo, các tài liệu nghiên cứu có liên quan đến chuỗi an toàn thực phẩm rau Mộc Châu.

- Phương pháp phân tích và xử lý số liệu: Phương pháp thống kê kinh tế (thống kê mô tả, thống kê so sánh), phương pháp phân tích chuỗi giá trị (hạch toán chi phí và HQKT chuỗi giá trị). Xử lý bằng phần mềm Excel.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

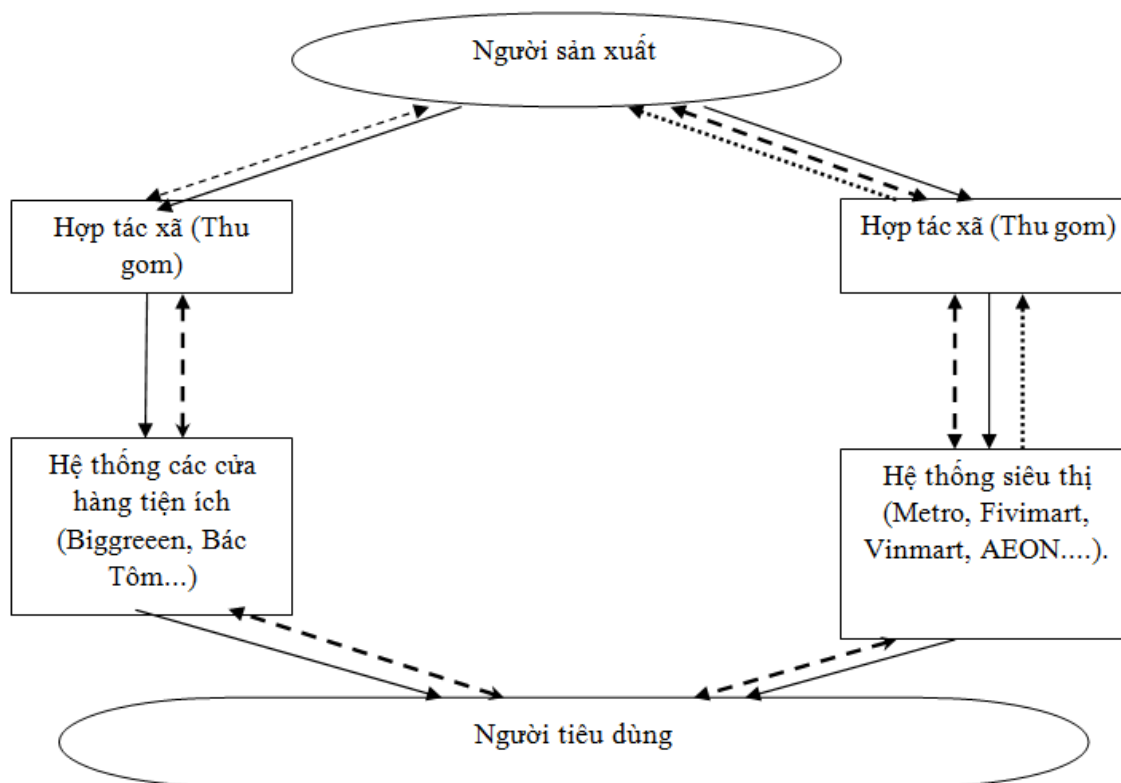
- Thời gian nghiên cứu: Khảo sát, thu thập thông tin năm 2017.

- Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành thu thập thông tin trên 2 địa bàn chính là: huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La - nơi sản xuất sản phẩm và thành phố Hà Nội - nơi tiêu thụ chính các sản phẩm rau Mộc Châu.

¹Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp (CASRAD) - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tổng quát chuỗi RAT Mộc Châu



Hình 1. Sơ đồ chuỗi giá trị rau an toàn Mộc Châu 2017

Nguồn: Phòng Nông Nghiệp huyện Mộc Châu (2016)

Ghi chú: Luồng sản phẩm —————> Luồng thông tin - - - - -> Luồng đầu tư>

3.2. Tính bền vững yếu tố kinh tế

3.2.1. Sự phát triển của chuỗi RAT Mộc Châu

- Diện tích sản xuất rau

Bảng 1. Thay đổi diện tích sản xuất rau an toàn Mộc Châu qua các năm

Năm	2011	2014	2017
Diện tích sản xuất (ha)	11,2	22,2	42,4
Tăng trưởng (%)	-	98,21	90,99

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2017.

Diện tích sản xuất RAT tại Mộc Châu gia tăng nhanh, năm 2011 khi mới thành lập vùng sản xuất RAT Mộc Châu diện tích chỉ 11,2 ha (Phòng Nông nghiệp Mộc Châu, 2016), đến năm 2017 diện tích sản xuất RAT tại Mộc Châu là 42,4 ha (Bảng 1).

- Thu nhập người sản xuất từ sản xuất RAT Mộc Châu

Theo báo cáo nghiên cứu của tác giả Vũ Văn Đoàn (2016), trong năm 2012, phần thu nhập từ

trồng rau của các hộ sản xuất RAT Mộc Châu chỉ chiếm 11% tổng thu nhập của các hộ sản xuất. Cho đến nay, theo kết quả khảo sát thì phần thu nhập từ trồng rau của các hộ sản xuất RAT tại Mộc Châu lên tới 60% tổng thu nhập của hộ. Điều này cho thấy sản xuất RAT tại Mộc Châu đang ngày càng có những đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Gia tăng hiệu quả kinh tế trong chuỗi rau an toàn

Bảng 2. So sánh giá trị gia tăng trong chuỗi rau an toàn Mộc Châu của các chủ thể trong chuỗi rau an toàn Mộc Châu với sản phẩm cà chua qua các năm

ĐVT: đồng/kg

Sản phẩm	Cà chua		
	Sản xuất	Thu gom	Bán lẻ
Năm 2013	4.588	1.650	4.900
Năm 2016	8.406	2.650	7.500

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2017.

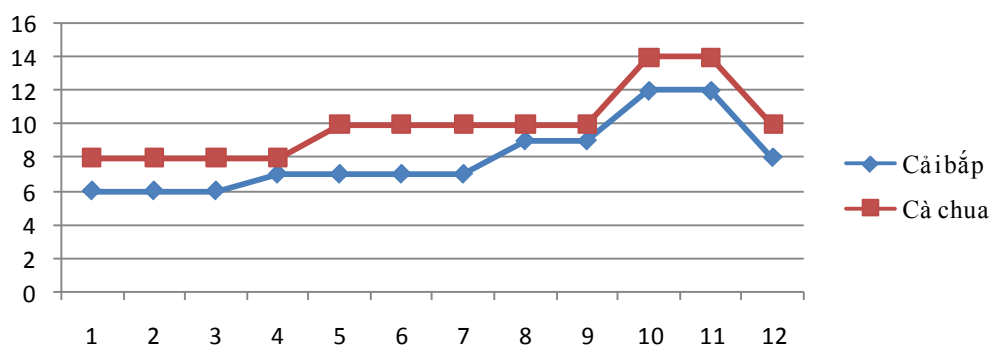
Ngoài sự gia tăng nhanh về diện tích sản xuất rau, thì giá trị sản phẩm cũng tăng lên, điều này làm cho VA của các tác nhân tham gia chuỗi cũng tăng, đồng nghĩa với thu nhập của các tác nhân tăng lên. So với thời điểm năm 2013 (nguồn số liệu năm 2013: CASRAD, 2013) thì đến năm 2016 chủ thể sản xuất có mức tăng trưởng VA là 54,58%, chủ thể thu gom là 62,62% và chủ thể bán lẻ có sự tăng trưởng nhiều nhất là 65,33% (Bảng 2).

3.2.2. Tính bền vững yếu tố thị trường

Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội,

thu nhập của người dân cải thiện, nhu cầu của thị trường về RAT cũng tăng lên nhanh chóng. Đây là cơ hội để chuỗi RAT Mộc Châu phát triển. Để phát triển bền vững chuỗi RAT Mộc Châu cần tuân thủ các quy định kiểm soát trong sản xuất, quảng bá hình sản tới người tiêu dùng, mở rộng thị trường để người tiêu dùng tiếp cận. Và khi đáp ứng được yêu cầu từ người tiêu dùng thì có đến 82% người tiêu dùng sẵn lòng chi trả sử dụng RAT Mộc Châu, thậm chí với mức giá cao hơn hiện tại rất nhiều.

- Phân tích biến động giá rau các thời điểm trong năm 2016.



Hình 1. Biến động giá rau xuất bán của người sản xuất các tháng năm 2016

Nguồn: Số liệu điều tra (2017).

Sự tăng giá rau trong các tháng 10 và 11 do ảnh hưởng thời tiết xấu, làm sản lượng rau giảm dẫn tới giá rau bị đẩy lên cao (Hình 1). Như vậy có thể thấy, người nông dân sản xuất vẫn chịu tác động nhiều từ yếu tố tự nhiên, khi thời tiết không thuận sẽ dẫn tới

tình trạng nguồn cung bị khan. Vì vậy, để phát triển bền vững chuỗi RAT Mộc Châu, cần có các giải pháp lâu dài để tránh tình trạng sản xuất phụ thuộc vào yếu tố thời tiết.

3.2.3. Hiệu quả kinh tế chuỗi RAT Mộc Châu

Bảng 3. Hiệu quả kinh tế của các tác nhân tham gia chuỗi

(Tính cho 1000 kg rau)

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Cà bắp				Cà chua			
			Hộ SX rau	Người thu gom	Người bán lẻ	Tổng	Hộ SX rau	Người thu gom	Người bán lẻ	Tổng
1	Giá bán	1.000 đồng/kg	8	12	25		10	15	30	
2	Doanh thu (TR)	1.000 đồng	8.000	12.000	25.000	45.000	10.000	15.000	30.000	55.000
3	Chi phí trung gian (IC)	1.000 đồng	1.361	10.300	18.250	29.911	1.594	12.350	22.500	36.444
4	Giá trị gia tăng(VA)	1.000 đồng	6.639	1.700	6.750	15.809	8.406	2.650	7.500	18.556
5	Thu nhập thuần (MI)	1.000 đồng	5.190	1.440	6.750	13.380	5.417	2.260	7.500	15.177
6	TR/IC	Lần	5,87	1,16	1,37		6,27	1,21	1,33	
7	VA/IC	Lần	4,87	0,16	0,37		5,27	0,21	0,33	
8	MI/IC	Lần	3.81	0,14	0,37		3,39	0,18	0,33	

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2017.

Các chỉ tiêu đánh giá, phản ánh hiệu quả kinh tế của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị hiệu quả kinh tế đạt cao nhất trong kênh này là hộ sản xuất với TR/IC lần lượt với cải bắp và cà chua là 5,87 và 6,27 lần nghĩa là hộ sản xuất khi bỏ ra một đồng vốn sẽ thu lại được 5,87 và 6,27 lần tổng doanh thu, và chỉ tiêu VA/IC của hộ sản xuất đạt cao nhất 4,87 lần với sản phẩm cải bắp và 5,27 lần với sản phẩm cà chua. Tác nhân đạt hiệu quả kinh tế thấp nhất là người thu gom với TR/IC là 1,16 lần với sản phẩm cải bắp và 1,21 lần với sản phẩm cà chua, VA/IC đạt lần lượt là 0,16 và 0,21 lần cho cải bắp và cà chua, trong kênh phân phối người nông dân có lợi cao nhất (Bảng 3). Sự phân bổ này tương đối hợp lý, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững chuỗi giá trị RAT Mộc Châu.

Tác nhân sản xuất hiện nay đang gặp nhiều vấn đề ảnh hưởng tới tính bền vững chuỗi RAT Mộc Châu. Chủ thể sản xuất mặc dù có kinh nghiệm nhiều năm trong sản xuất nông nghiệp, trồng rau, có tới 82,5% người sản xuất có kinh nghiệm từ 10 - 30 năm sản xuất nông nghiệp, trồng rau. Tuy nhiên, trình độ học vấn lại quá thấp, có tới 88,75% người sản xuất có trình độ chỉ cấp I, cấp II, điều này ảnh hưởng lớn tới quá trình tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất mới trong quá trình sản xuất RAT. Hay như nguồn nước phục vụ sản xuất cũng gặp nhiều khó khăn khi vẫn phải phụ thuộc vào tự nhiên bằng hệ thống giếng khoan, hạ tầng phục vụ sản xuất RAT còn yếu, hệ thống nhà lưới, nhà kính mới chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong diện tích sản xuất.

Chủ thể thu gom cần đầu tư trong khâu sơ chế và vận chuyển để giảm lượng hao hụt trong quá trình vận chuyển. Để phát triển bền vững cần phát huy vai trò cầu nối trong chuỗi, đẩy mạnh liên kết các tác nhân, đầu tư xe lạnh trong vận chuyển.

3.2.5. Chính sách quy hoạch phát triển chuỗi rau an toàn tại Mộc Châu

Năm 2013, UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 1252/QĐ-UBND về việc “Phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tập trung tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2020”. Tuy nhiên, việc quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn còn nhiều hạn chế như: thời gian quy hoạch ngắn chỉ đến năm 2020, nội dung quy hoạch vẫn chưa chi tiết tới từng vùng, từng loại rau lợi thế của vùng, quy hoạch chủ yếu tập trung vào phát triển sản xuất. Cần có các chính sách nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, các chính sách khuyến khích nông dân tham gia các mô hình kinh tế hợp

tác, sản xuất nông nghiệp chất lượng cao theo hướng an toàn.

3.3. Tính bền vững yếu tố xã hội

Chỉ tính riêng các HTX sản xuất RAT tại Mộc Châu, khi thành lập vùng sản xuất RAT Mộc Châu năm 2011 chỉ có 1 HTX và 1 nhóm là HTX Rau an toàn Tự Nhiên và nhóm sản xuất Rau an toàn An Thái với tổng số hộ tham gia sản xuất là 24 hộ (Phòng Tài chính kế hoạch huyện Mộc Châu, 2016). Đến năm 2017 đã có 6 HTX được hình thành và phát triển: HTX rau an toàn Ta Niết, HTX rau an toàn Tự Nhiên, HTX rau an toàn An Tâm, HTX Nông nghiệp Hoàng Hải Tân Lập, HTX Nông nghiệp Dũng Tiến, HTX rau an toàn Vân Hồ, với lượng thành viên lên tới trên 100 hộ tham gia sản xuất, tạo việc làm thường xuyên cho trên 150 lao động sản xuất trực tiếp và các lao động gián tiếp khác như vận chuyển, bán hàng... Ngoài ra, còn các doanh nghiệp tham gia sản xuất RAT như: Công ty cổ phần Cao Nguyên, Công ty Greenfarm. Với chuỗi RAT trái vụ Mộc Châu, loại hình tổ chức nông dân cùng sản xuất đang phát triển rất nhanh, điều này chứng tỏ ưu thế của loại hình này đem lại trong sản xuất, phát triển RAT trái vụ. So với các đối tượng cây trồng chính trong huyện, sản xuất rau đang tạo được sức hút rất lớn đối với nông dân khi cho thu nhập rất cao, từ 70 - 150 triệu đồng/sào/năm (Phòng vấn cán bộ phòng Nông nghiệp huyện Mộc Châu). Trồng RAT còn giúp người dân giảm chi phí đầu tư, và đảm bảo được sức khỏe cho người sản xuất cũng như người tiêu dùng sử dụng sản phẩm RAT. Sản xuất rau theo quy trình VietGAP không chỉ giúp các hộ thành viên thay đổi nhận thức, mà còn giúp người tiêu dùng yên tâm hơn về vấn đề an toàn thực phẩm trong việc sử dụng nguồn rau sạch cho gia đình, xã hội.

3.4. Tính bền vững yếu tố môi trường

Với sản phẩm RAT Mộc Châu thì các hộ sản xuất 100% áp dụng sản xuất theo quy trình Vietgap. Với quy trình sản xuất rau Vietgap thì phải đáp ứng được 4 tiêu chí quan trọng: (1) Tiêu chí về kỹ thuật sản xuất đúng tiêu chuẩn; (2) Tiêu chí về an toàn thực phẩm gồm các biện pháp đảm bảo không có hóa chất nhiễm khuẩn hoặc ô nhiễm vật lý khi thu hoạch; (3) Tiêu chí về môi trường làm việc phù hợp với sức lao động của người nông dân; (4) Tiêu chí về nguồn gốc sản phẩm từ khâu sản xuất đến tiêu thụ.

Nhờ áp dụng trồng rau theo hướng an toàn sinh học đã góp phần bảo vệ môi trường nông nghiệp tại địa phương, vì đã hạn chế tối đa được lượng thuốc

bảo vệ thực vật và phân bón hóa học độc hại làm tổn hại đến độ phì nhiêu của đất, ảnh hưởng đến môi trường nước. Công tác ứng dụng công nghệ IPM (phòng trừ dịch hại tổng hợp) trong phòng trừ sâu bệnh hại rau trồng và ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất đã có ý nghĩa quan trọng trong công tác bảo vệ và giữ gìn môi trường sinh thái.

3.5. Tổng hợp về đánh giá tính bền vững chuỗi rau an toàn Mộc Châu

Chuỗi RAT Mộc Châu cho hiệu quả kinh tế cao, mang lại thu nhập ổn định cho người nông dân, người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm chất lượng, an toàn và đáng tin cậy.

Tiềm năng về sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm RAT Mộc Châu rất lớn, điều đó được thể hiện qua nhu cầu tiêu thụ rau Mộc Châu của các công ty kinh doanh rau ở Hà Nội, tuy nhiên việc đảm bảo yêu cầu của các công ty về chất lượng sản phẩm, thu hái, vận chuyển,... là yếu tố quyết định đến sự phát triển của vùng sản xuất.

Tuy nhiên, chuỗi RAT Mộc Châu còn gặp nhiều khó khăn như: trong sản xuất thì nhận thức, tiếp thu KHKT của nông hộ còn hạn chế, sâu bệnh hại trong thời điểm trái vụ, chưa có quy hoạch chi tiết từng vùng, từng loại rau. Công tác chế biến, bảo quản, vận chuyển còn lạc hậu chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất.

Để phát triển bền vững chuỗi RAT Mộc Châu cần có các giải pháp đồng bộ trong chính sách phát triển địa phương, từ xây dựng vùng sản xuất hợp lý, hỗ trợ vốn người sản xuất, xây dựng các chính sách, quy định về an toàn thực phẩm để hạn chế các sản phẩm kém chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao như RAT Mộc Châu.

3.6. Giải pháp phát triển bền vững chuỗi rau an toàn Mộc Châu

- Quy hoạch vùng chuyên canh

Quy hoạch phát triển sản xuất RAT trái vụ theo hướng ổn định, lâu dài với quy mô lớn, chuyên canh trên cơ sở khai thác các lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và thị trường bằng cách, đẩy mạnh việc thực hiện Quyết định số 1252/QĐ-UBND về việc “Phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tập trung tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2020”. Tuy nhiên, cần quy hoạch thời gian dài hơn, phải có những mục tiêu cụ thể hơn nữa trong quy hoạch phát triển vùng sản xuất RAT, chi tiết tới từng vùng, từng loại rau thế mạnh của vùng, đặc biệt là vùng

sản xuất RAT Mộc Châu đang dần khẳng định được thương hiệu trên thị trường.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và tiêu thụ rau an toàn

Thách thức lớn nhất hiện nay với nông dân sản xuất RAT trái vụ tại Mộc Châu vẫn là những rủi ro về thời tiết, sản xuất trái vụ là thời điểm mưa nhiều, dễ bị ngập úng, làm ảnh hưởng tới năng suất cũng như chất lượng của sản phẩm rau. Trong khi đó, diện tích nhà lưới, nhà kính trong sản xuất của nông dân còn rất hạn chế. Để khắc phục điều này cần có các chính sách hỗ trợ người dân về vốn cũng như chuyển giao các kỹ thuật, KHCN trong phát triển sản xuất rau trong nhà kính, nhà lưới, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm RAT Mộc Châu, cải thiện thu nhập của nông hộ.

Bảo quản và vận chuyển vẫn là khâu yếu nhất trong chuỗi RAT Mộc Châu dẫn đến lượng hàng hao hụt khi về đến Hà Nội còn cao. Tuy nhiên, việc áp dụng các phương pháp bảo quản, vận chuyển mới như xe lạnh là tương đối tốn kém. Vì vậy cần có các chính sách hỗ trợ để các đối tượng thu gom - hay chính các HTX có thể nâng cao khả năng bảo quản, vận chuyển.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Việc phát triển vùng chuyên canh lớn còn gặp nhiều khó khăn như nguồn nước, hệ thống giao thông chưa đảm bảo. Do đó, để phát triển được vùng chuyên canh tập trung lớn trước mắt cần tập trung nâng cấp hệ thống giao thông, xây dựng các hồ, bể chứa, đập để đáp ứng nhu cầu nguồn nước, điều tiết nước phục vụ nhu cầu sản xuất.

- Phát triển mô hình tổ chức - nhóm nông dân

Loại hình tổ chức nông dân cùng nhau sản xuất là HTX đang chứng tỏ ưu thế vượt trội trong cả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay, tại Mộc Châu có nhiều mô hình HTX, tổ chức nông dân tiêu biểu trong sản xuất RAT Mộc Châu như: HTX Rau an toàn Tự Nhiên, HTX Rau an toàn Tà Niết... Cần có các chính sách khuyến khích loại hình tổ chức sản xuất này phát triển nhanh hơn nữa trong thời gian tới; gia tăng cả về lượng cũng như chất - tăng lên về số HTX mới, cải thiện hiệu quả hoạt động hơn nữa của các HTX đã có, mở rộng kết nạp thêm thành viên.

- Phát triển thị trường tiêu thụ và xây dựng thương hiệu rau an toàn trái vụ Mộc Châu.

RAT Mộc Châu đã từng bước khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường, đặc biệt là thị trường Hà Nội. Nhất là hiện nay sản phẩm RAT Mộc

Châu đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH-CN cấp chứng nhận nhãn hiệu sản phẩm RAT Mộc Châu, và cùng với đó ứng dụng công nghệ cao được đưa vào trong việc quy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đây là điều kiện tốt để tăng cường các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm rau trái vụ gắn liền với địa danh Mộc Châu đến thị trường Hà Nội, thúc đẩy chuỗi sản xuất - tiêu thụ sản phẩm RAT Mộc Châu phát triển mạnh hơn nữa.

- Tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị sản phẩm

Tăng cường mối liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi thông qua tổ chức các cuộc họp, trao đổi thông tin, hợp tác giữa tổ chức nông dân với đối tác tiêu thụ. Trong tình hình thị trường thay đổi từng ngày như hiện nay thì sự trao đổi thông tin giữa các tác nhân là rất quan trọng. Ở đây, tác nhân thu gom đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chuỗi, vì vậy tác nhân thu gom cần phát huy giá trị của mình hơn nữa, làm cầu nối giữa tác nhân sản xuất và tác nhân bán lẻ.

- Giải pháp về kỹ thuật

Nông dân là căn bản của quá trình sản xuất nông nghiệp, là tác nhân đầu tiên của chuỗi, trong chuỗi RAT Mộc Châu thì nông dân đa số lại là những người thuộc vùng dân tộc thiểu số, trình độ dân trí còn thấp, tiếp thu KH - KT công nghệ mới trong sản xuất còn hạn chế. Để khắc phục vấn đề này, cần tăng cường công tác tập huấn kỹ thuật sản xuất, cũng như ý thức sản xuất, như vậy mới nâng cao được chất lượng sản phẩm, thu nhập của người dân cũng như phát triển chuỗi RAT Mộc Châu.

Tăng cường năng lực quản lý, tổ chức hoạt động cho các tổ chức nông dân: Với xu thế phát triển nhanh các tổ chức nông dân sản xuất - HTX, tuy nhiên hiện tại việc tăng về lượng chưa đồng nghĩa với sự gia tăng về chất, vẫn còn một số HTX mới thành lập, tổ chức hoạt động vẫn còn thiếu tính chuyên nghiệp, mà nòng cốt là các cán bộ lãnh đạo HTX. Vì vậy, cần phải tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực cho các bộ lãnh đạo trong bộ máy của các HTX, thúc đẩy quá trình sản xuất phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

- Giải pháp về chính sách

Sản xuất - tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp ở nước ta hiện nay nói chung, và chuỗi RAT Mộc Châu nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất cũng như tiêu thụ các sản phẩm như vốn, kỹ thuật sản xuất của nông dân, thời tiết thất thường, thị trường còn vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ

các sản phẩm nhập ngoại, đặc biệt là các sản phẩm đến từ Trung Quốc. Để giải quyết các tồn đọng đó, đưa chuỗi các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao phát triển, người sản xuất nâng cao thu nhập, người tiêu dùng được sử dụng các sản phẩm chất lượng cao với giá thành hợp lý nhất thì cần có những biện pháp, các chính sách hỗ trợ đồng bộ các cấp.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Bên cạnh những yếu tố bền vững, chuỗi RAT Mộc Châu vẫn còn nhiều yếu tố bất lợi ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của chuỗi. Đó là: Yếu tố thuộc về sản xuất, cơ sở hạ tầng; ứng dụng khoa học công nghệ; yếu tố thị trường; sự tương tác, liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi; yếu tố tự nhiên; chủ trương chính sách của nhà nước.

Đề xuất một số giải pháp phát triển chuỗi RAT Mộc Châu: (1) Quy hoạch vùng chuyên canh; (2) Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và tiêu thụ rau an toàn; (3) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; (4) Phát triển mô hình tổ chức - nhóm nông dân; (5) Phát triển thị trường tiêu thụ và xây dựng thương hiệu rau an toàn trái vụ Mộc Châu; (6) Tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị sản phẩm; (7) Giải pháp về kỹ thuật; (8) Giải pháp về chính sách.

4.2. Đề nghị

- Đối với các cấp chính quyền:

Cần quy hoạch chi tiết vùng sản xuất, tuyên truyền phát triển sản xuất RAT; tạo điều kiện thuận lợi về vốn, cơ sở hạ tầng cho những địa phương thực hiện quy hoạch vùng sản xuất tập trung, đồng thời khuyến khích việc chuyển đổi và mở rộng diện tích RAT lợi ích kinh tế cao.

Hỗ trợ người dân xây dựng thương hiệu cho sản phẩm rau Mộc Châu, tăng cường công tác thông tin và tuyên truyền, chuyển giao KHKT, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hướng tới mục tiêu phát triển nền nông nghiệp sạch, bền vững.

- Đối với các tác nhân tham gia trong chuỗi:

Từng bước khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển bền vững.

Tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng, nâng cao hiệu quả chung của chuỗi.

Tuân thủ các qui định của nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm của ngành hàng cả về chất lượng bên trong và chất lượng quá trình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vũ Văn Đoàn, 2016. Kết quả nghiên cứu và phát triển chuỗi giá trị rau an toàn Mộc Châu, Sơn La.
- Phòng Nông nghiệp huyện Mộc Châu, 2016. Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp huyện Mộc Châu giai đoạn 2011 - 2016, Sơn La.
- Phòng Tài chính kế hoạch huyện Mộc Châu, 2016. Báo cáo tổng hợp các hợp tác xã trên địa bàn huyện Mộc Châu đến tháng 10 - 2016, Sơn La.
- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống nông nghiệp (CASRAD), 2013. Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2013, Hà Nội.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 2013. Quyết định 1252/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La, ngày 25 tháng 6 năm 2013 về việc “ Phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tập trung tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2020”, Sơn La.

Assessment of sustainability of Moc Chau safe vegetable chain

Le Duc Cong

Abstract

The study aims to assess sustainability of safe vegetable chain in Moc Chau district, Son La province with the main consumption market in Ha Noi. In this study, the primary and secondary data were flexibly used to provide analysis. The secondary data was collected from various sources such as books, journals, newspapers, reports of branches, levels, websites ... related to research content of the topic. The primary data was collected by using in-depth interviews, structured interviews and semi-structured interviews of Moc Chau safe vegetable chain; the value added agent was relatively high, the added value of cabbage was 82.99% of the product value, with 84.06% tomato products. The price of vegetables sold by producers in Moc Chau safe vegetable chain was relatively high and stable, always around 7.000 VND/kg of cabbage and about 10.000 VND/kg of tomatoes. Up to 72% of consumers felt satisfied with Moc Chau safe vegetables. The factors influencing the sustainable development of the off-season Moc Chau safe vegetable chain include: (1) Factors in the safe vegetable chain off-season Moc Chau (factors of production, infrastructure, application of science and technology, market, interaction and linkage among actors in the chain); (2) External factors of safe vegetable chain Moc Chau (natural elements, policy of the state).

Keywords: Value chain, sustainability, vegetable chain

Ngày nhận bài: 9/4/2018

Ngày phản biện: 14/4/2018

Người phản biện: TS. Đào Thế Anh

Ngày duyệt đăng: 10/5/2018

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CHO CÁC SẢN PHẨM ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM: KINH NGHIỆM CỦA QUẢNG NINH

Hoàng Thị Thu Huyền¹

TÓM TẮT

Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm của địa phương là phương thức được lựa chọn để thúc đẩy khai thác bền vững thông qua tiếp cận thị trường. Bài báo trình bày nghiên cứu trường hợp của tỉnh Quảng Ninh trong việc xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản nhằm giúp phát triển sản xuất bền vững và nâng cao thu nhập cho người sản xuất. Cụ thể đối với sản phẩm Nếp cái hoa vàng sau khi bảo hộ nhãn hiệu tập thể mô hình đã đạt được những thành tựu nhất định và có những tác động tích cực tới diện tích sản xuất (trung bình từ 2,78 sào/hộ năm 2011 lên 3,61 sào/hộ năm 2014) và thị trường tiêu thụ sản phẩm (năm 2011 giá thóc nếp thu mua chỉ đạt là 15.000 đồng/kg thì đến năm 2014 giá thóc nếp tăng và giữ ổn định ở mức giá 19.000 đồng/kg). Kênh hàng hóa cao cấp được mở rộng như siêu thị, thực phẩm sạch.

Từ khóa: Sản phẩm địa phương, thương hiệu, chuỗi giá trị, chỉ dẫn địa lý

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một trong 16 nước có sự đa dạng sinh học (ĐDSH) cao trên thế giới do có vị trí địa lý đặc thù (khí hậu, địa hình). Đối với ngành nông

nghiệp ĐDSH thể hiện ở mức độ phong phú về các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản. ĐDSH giúp cân bằng hệ sinh thái thông qua giảm áp lực về sâu bệnh, tạo điều kiện cho con người sản xuất được nguồn

¹ Viện Cây lương thực và cây thực phẩm